

Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1987.

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1988.

Đều có địa chỉ: Khu 9, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Trước đây là khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh **Nguyễn Thế H** và chị **Nguyễn Thị L**.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*Về con chung:* Anh H và chị L tự nguyện thoả thuận: Anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu **Nguyễn Thu H**, sinh ngày 12/6/2011 và **Nguyễn Thế H**, sinh ngày 19/11/2014. (Hiện hai con chung đang ở cùng anh H). Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh H đối với mỗi cháu là 700.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2020 đến khi từng con chung trưởng thành. Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung:* Anh H được toàn quyền sử dụng thửa đất số: 552 tờ bản đồ 15 (TX) diện tích 112,3 m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 9, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đứng tên chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thế H. Hiện thửa đất này do anh H đang quản lý, sử dụng. Trên đất không có tài sản gì.

Chị L có nghĩa vụ hỗ trợ cho anh H 50.000.000 đồng.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ nếu chậm thực

hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

*Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác:* Anh H và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Anh Nguyễn Thế H nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0002120 ngày 11 tháng 5 năm 2020.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Thanh Ba;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS H. Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quang Vũ**